

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HOÁ**

Số: 5033 /QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Thanh Hoá, ngày 27 tháng 12 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng công trình: Khu dân cư, tái định cư xã Vĩnh Hùng, huyện Vĩnh Lộc phục vụ GPMB dự án Bảo tồn, tu bổ, tôn tạo khu Phủ Từ, trung bày, quản lý, dịch vụ và cảnh quan di tích lịch sử Phủ Trịnh xã Vĩnh Hùng, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình; Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 về quản lý dự án đầu tư xây dựng; Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 2654/QĐ-UBND ngày 18/7/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình Khu dân cư, tái định cư xã Vĩnh Hùng, huyện Vĩnh Lộc phục vụ GPMB dự án Bảo tồn, tu bổ, tôn tạo khu Phủ Từ, trung bày, quản lý, dịch vụ và cảnh quan di tích lịch sử Phủ Trịnh xã Vĩnh Hùng, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa;

Xét đề nghị của UBND huyện Vĩnh Lộc tại Tờ trình số 183/TTr-UBND ngày 30/11/2016 và đề nghị của Sở Xây dựng tại Tờ trình số 7309/SXD-HĐXD ngày 20/12/2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng công trình Khu dân cư, tái định cư xã Vĩnh Hùng, huyện Vĩnh Lộc, phục vụ GPMB dự án Bảo tồn, tu bổ, tôn tạo khu Phủ Từ, trung bày, quản lý, dịch vụ và cảnh quan di tích lịch sử Phủ Trịnh xã Vĩnh Hùng, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa, với những nội dung sau:

1. Tên công trình: Khu dân cư, tái định cư xã Vĩnh Hùng, huyện Vĩnh Lộc phục vụ GPMB dự án Bảo tồn, tu bổ, tôn tạo khu Phủ Từ, trung bày, quản lý, dịch vụ và cảnh quan di tích lịch sử Phủ Trịnh xã Vĩnh Hùng, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa.

2. Loại, cấp công trình: Công trình hạ tầng kỹ thuật, cấp III.

3. Chủ đầu tư: UBND huyện Vĩnh Lộc.

4. Địa điểm xây dựng: Xã Vĩnh Hùng, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa.

5. Nhà thầu khảo sát, lập thiết kế: Công ty Cổ phần Tư vấn và đầu tư xây dựng Trường Phát.

6. Các giải pháp thiết kế chủ yếu:

6.1. Thiết kế san nền:

- Các lô đất trong phạm vi san nền có cao độ san nền thấp nhất là 8.10m, cao độ san nền cao nhất là 9.10m; hướng dốc một phần tập trung về phía Đông khu đất dự án.

- Khối lượng đào đắp nền các ô đất được tính theo phương pháp lưới ô vuông kích thước 20x20m trên mặt bằng tỉ lệ 1/500; vật liệu san nền tận dụng một phần đất đào khuôn, phần thiếu dùng đất đồi đầm chặt K90.

- Đất đắp được giữ ở trạng thái tương ứng với trạng thái ẩm tốt nhất sai số về độ ẩm là 10%, đầm nén phải đạt độ chặt yêu cầu với sai số không quá 0,03T/m³. Kết hợp biện pháp thi công san nền và thi công nền đường, đồng thời phải có biện pháp đảm bảo an toàn, vệ sinh môi trường và dân sinh trong quá trình thi công.

- Trước khi thi công phải dọn dẹp cây cỏ; tận dụng khối lượng đất đào nền đường giao thông, đào cống thoát nước để đắp nền.

6.2. Thiết kế giao thông:

- Thiết kế mặt cắt ngang:

+ Tuyến N1, N2, N4, N5, N6, N7 (mặt cắt 1-1): Chiều rộng nền đường $B_n=11,5m$; chiều rộng mặt đường $B_m=5,5m$; chiều rộng hè đường $B_h=3,0m \times 2$.

+ Tuyến N3 (mặt cắt 2-2): Chiều rộng nền đường $B_n=9,0m$; chiều rộng mặt đường $B_m=5,5m$; chiều rộng hè đường $B_h=3,0m+0,5m$.

- Thiết kế nền đường: Nền đường được đắp và đầm nén theo từng lớp, chiều dày mỗi lớp tùy thuộc vào năng lực thiết bị đầm và loại đất, thông thường chiều dày mỗi lớp sau đầm nén dày (25-30)cm, đạt K95, lớp đất đắp dưới lớp kết cấu mặt đường lu lèn đạt K98. Nền đường đào được đào đến cao độ đáy khuôn đường và 50cm đất nền dưới đáy kết cấu áo đường được đầm lèn đạt K98.

- Thiết kế mặt đường: Sử dụng kết cấu mặt đường láng nhựa, $E_{yc} \geq 95Mpa$, gồm các lớp: Láng nhựa 3 lớp TCN 4,5 kg/m² dày 3,5cm; tưới nhựa thấm bám TCN 1kg/m²; cấp phối đá dăm loại I dày 15cm; cấp phối đá dăm loại II dày 18cm; đất nền K98 dày 50cm.

- Thiết kế bó vỉa, đan rãnh, vỉa hè, cây xanh:

+ Dọc hai bên đường sử dụng bó vỉa BTXM M200; KT (26x23x100)cm tại các đoạn thẳng; KT (26x23x40)cm tại các đoạn cong; đan rãnh BTXM mác 200 kích thước 30x40x5cm.

+ Kết cấu lát hè đổ bê tông xi măng đá 2x4 M150 dày 10cm; lớp nilon tái sinh; lớp đất nền đầm chặt K95.

+ Hồ trồng cây xây gạch, kích thước hồ trồng cây 1,22x1,22m; khoảng cách từ 10m-16m/1hố.

6.3. Hệ thống thoát nước:

Hệ thống thoát nước mưa, thoát nước thải được sử dụng chung một tuyến cống, thiết kế theo nguyên tắc tự chảy. Hệ thống thoát nước sử dụng mương nắp đan BxH=50x70 (đi dọc trên vỉa hè) kết hợp cống tròn bê tông ly tâm

D150 (đi ngầm dưới lòng đường). Tại những khúc ngoặt hoặc chuyển giao giữa hệ thống cống và rãnh cũ có bố trí ga đầu nối. Nước bẩn được xử lý qua bể tự hoại xây dựng bên trong công trình hoặc trong ô đất xây dựng của nhà dân, sau đó mới thải vào mương.

6.4. Hệ thống cấp nước: Hiện nay trong khu vực chưa có hệ thống cấp nước sinh hoạt, nên trong giai đoạn này chưa thiết kế hệ thống cấp nước sinh hoạt, cấp nước PCCC ngoài nhà. Vì vậy, nguồn cấp sử dụng nước giếng khoan do dân tự làm.

6.5. Hệ thống cấp điện:

- Nguồn cấp dự kiến tại đường dây 35kV lộ 376E9.4 trong khu vực.
- Di chuyển đường điện 35kV hiện trạng (đã tính trong phần GPMB).
- Lưới điện trung áp sử dụng cáp Cu-XLPE/PVC/DSTA/PVC- 3x95mm² -35kV và Cu-XLPE/PVC/DSTA/PVC- 3x70mm² -35kV đi ngầm trong rãnh chôn cáp.
- Trạm biến áp: Khu đất thực hiện dự án sử dụng 02 trạm biến áp gồm TBA 400kVA-35/0,4kV phục vụ nhu cầu sử dụng điện của khu dân cư, tái định cư. Trạm biến áp sử dụng kiểu trạm treo trên cột bê tông ty tâm.
- Điện hạ thế 0,4kV:
 - + Điện sinh hoạt: Sử dụng dây dẫn cáp vặn xoắn ABC-4x120mm²; ABC-4x70mm²; ABC-4x50mm² được đi trên cột BTLT 8,5B.
 - + Cấp điện chiếu sáng: Đèn được lắp trên chụp đầu cột BTLT 8,5B (sử dụng chung cột với đường dây điện sinh hoạt), dùng đèn cao áp có công suất 150W; dây chiếu sáng dùng cáp vặn xoắn ABC-4x35mm² và cáp vặn xoắn ABC-4x16mm².
 - + An toàn cho hệ thống điện được thiết kế đồng bộ theo quy định.

6.6. Nhà văn hóa:

- Công trình có quy mô 01 tầng, diện tích xây dựng 150,64 m²; chiều cao công trình là 5.7m tính từ cốt 0.00 đến đỉnh mái; cốt 0.00 là cốt nền tầng 1, cao hơn cốt sân hoàn thiện 0.45m.
- Mặt bằng bố trí 01 khu hội trường và 01 khu sân khấu; 01 phòng kỹ thuật phía trước; 01 sảnh chính; giao thông ngang bằng hành lang trước rộng 1,72m.
- Giải pháp kết cấu:
 - + Phần móng được làm bằng móng đơn bê tông cốt thép, kết hợp giằng bê tông cốt thép mác 200# và xây đá hộc vữa mác 50#.
 - + Phần thân: Tường nhà xây gạch bê tông rỗng trát tường VXM 75#, gạch chỉ. Nền đổ bê tông đá 4x6 VXM 100# dày 10cm lát gạch Ceramic 400x400. Bậc tam cấp xây gạch VXM 50# lát granite;
 - + Phần mái: Mái xây tường thu hồi VXM 75# trát tường VXM 75# xà gồ thép U60x30x1,8, vì kèo thép L50x50x5, mái lợp tôn màu xanh dày 0,4 ly.
 - Các hạng mục phụ trợ sân đường nội bộ, cổng hàng rào, nhà vệ sinh.

7. Tổng dự toán xây dựng: 47.195.396.000 đồng.

(Bốn mươi bảy tỷ, một trăm chín lăm triệu, ba trăm chín sáu nghìn đồng)

Trong đó:

- | | |
|--------------------|----------------------|
| - Chi phí xây dựng | 37.363.460.755 đồng; |
| - Chi phí thiết bị | 1.049.837.710 đồng; |
| - Chi phí QLDA | 597.501.000 đồng; |
| - Chi phí TVĐTXD | 2.712.697.873 đồng; |
| - Chi phí khác | 2.179.196.852 đồng; |
| - Chi phí dự phòng | 3.292.702.000 đồng. |

(Có phụ lục chi tiết kèm theo).

8. Nguồn vốn: Từ nguồn kinh phí bồi thường GPMB và tái định cư Dự án Bảo tồn, tu bổ, tôn tạo khu Phủ Từ, trung bày, quản lý, dịch vụ và cảnh quan di tích lịch sử Phủ Trịnh xã Vĩnh Hùng, huyện Vĩnh Lộc; nguồn đầu giá quyền sử dụng đất và huy động hợp pháp khác.

Điều 2. Chủ đầu tư (UBND huyện Vĩnh Lộc) chịu trách nhiệm toàn diện trong tổ chức quản lý thực hiện đầu tư xây dựng công trình. Quá trình thực hiện đầu tư, tổ chức nghiệm thu chi tiết khối lượng, chất lượng theo thực tế và thiết kế, bản vẽ thi công và dự toán được duyệt; thanh quyết toán công trình theo quy định hiện hành.

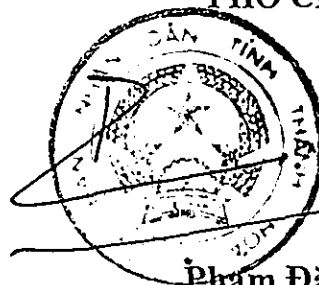
Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch UBND huyện Vĩnh Lộc; thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như điều 3 QĐ;
 - CT, các PCT UBND tỉnh;
 - Lưu: VT, VX (2).
- QĐ62/2016/N10b.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Phạm Đăng Quyền

PHỤ LỤC: BẢNG TỔNG HỢP DỰ TOÁN XÂY DỰNG
Công trình: Khu dân cư, tái định cư xã Vĩnh Hùng, huyện Vĩnh Lộc phục vụ
GPMB dự án Bảo tồn, tu bổ, tôn tạo khu Phủ Từ, trưng bày, quản lý, dịch vụ
và cảnh quan di tích lịch sử Phủ Trịnh xã Vĩnh Hùng, huyện Vĩnh Lộc
(Kèm theo Quyết định số: 5033/QĐ-UBND ngày 27/12/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Đơn vị tính: Đồng

STT	Khoản mục chi phí	Ký hiệu	Cách tính	Thành Tiền
I	CHI PHÍ XÂY DỰNG	Gxd		37.363.460.755
1	San nền		Dự toán chi tiết	13.985.112.000
2	Đường giao thông		nt	10.991.044.000
3	Hệ thống thoát nước		nt	6.887.886.000
4	Cấp điện, điện chiếu sáng		nt	4.406.932.755
5	Hàng rào + cổng		nt	148.482.000
6	Nhà văn hóa		nt	657.375.000
7	Nhà vệ sinh		nt	171.324.000
8	Thoát nước ngoài nhà văn hóa		nt	39.825.000
9	Sân bê tông nhà văn hóa		nt	75.480.000
II	CHI PHÍ THIẾT BỊ	Gtb		1.049.837.710
III	CHI PHÍ QUẢN LÝ DỰ ÁN	Gqlđ	1,711% x (Gxd+Gtb)	597.501.000
IV	CHI PHÍ TƯ VẤN ĐTXD	Gtv	1+...+15	2.712.697.873
1	Chi phí lập QH chi tiết 1/500		Quyết định 2654/QĐ-UBND ngày 18/7/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh	572.007.000
2	Chi phí khảo sát bước lập DAĐT		nt	111.527.000
3	Chi phí lập dự án đầu tư		nt	159.734.873
4	Chi phí cắm mốc GPMB; mốc bê tông kích thước 15x15x100cm (tạm tính 20 mốc)		TT	19.250.000
5	Chi phí khảo sát bước lập thiết kế bản vẽ thi công		Công văn số 5823/SXD-BPTĐT ngày 11/10/2016 của Sở Xây dựng.	84.875.000
6	Chi phí thiết kế bước BVTC		1,791% x Gxd	669.180.000
7	Chi phí thẩm tra thiết kế BVTC		0,123% x Gxd	45.957.000
8	Chi phí thẩm tra dự toán		0,119% x Gxd	44.463.000
9	Chi phí giám sát thi công xây dựng		1,704% x Gxd	636.673.000
10	Chi phí giám sát lắp đặt thiết bị		0,643% x Gtb	6.750.000
11	Chi phí lập HSMT & đánh giá HSDT thi công xây dựng công trình (Quyết định số 957/QĐ-BXD)		0,199% x Gxd	74.353.000
12	Chi phí lập HSMT & đánh giá HSDT mua sắm thiết bị (Quyết định số 957/QĐ-BXD)		0,236% x Gtb	2.478.000
13	Chi phí lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu tư vấn khảo sát, tư vấn TKBVTC-DT, tư vấn giám sát.		TT	6.000.000
14	Chi phí lập hồ sơ đánh giá tác động môi trường.		Quyết định 2654/QĐ-UBND ngày 18/7/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh	148.000.000
15	Chi phí giám sát đánh giá DA đầu tư.		20% x Gqlđ	131.450.000

V	CHI PHÍ KHÁC	Tk Gk	1+...+10	2.179.196.852
1	Chi phí rà phá bom mìn (TT 146/2007/TT-BQP)		Quyết định 2654/QĐ-UBND ngày 18/7/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh	191.835.000
2	Chi phí hạng mục chung			1.120.904.000
2.1	Chi phí xây dựng nhà tạm để ở và điều hành thi công tại hiện trường		1,000% x Gxd	373.635.000
2.2	Chi phí một số công tác không xác định được khối lượng từ thiết kế		2,000% x Gxd	747.269.000
3	Lệ phí thẩm định dự án đầu tư (TT 176/TT-BTC)		Quyết định 2654/QĐ-UBND ngày 18/7/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh	8.411.083
4	Chi phí bảo hiểm công trình		3,000% x Gxd	112.090.000
5	Lệ phí thẩm định, phê duyệt PA PCCC		Quyết định 2654/QĐ-UBND ngày 18/7/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh	21.832.769
6	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán		50% x TMĐT x 0,455%	136.680.000
7	Chi phí kiểm toán		0,715% x TMĐT	472.523.000
8	Chi phí kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng (NĐ 46/2015/NĐ-CP)		Quyết định 2654/QĐ-UBND ngày 18/7/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh	50.000.000
9	Chi phí thẩm định HSMT và kết quả lựa chọn nhà thầu xây dựng, thiết bị (NĐ 63/2014/NĐ-CP)		0,1000% x (Gxd+Gtb)	34.921.000
10	Chi phí bảo trì công trình xây dựng (NĐ 46/2015/NĐ-CP)		Quyết định 2654/QĐ-UBND ngày 18/7/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh	30.000.000
VI	CHI PHÍ DỰ PHÒNG	Gdp	1+2	3.292.702.000
1	Dự phòng cho yếu tố khối lượng phát sinh		(I+II+...+V) x 5%	2.195.135.000
2	Dự phòng cho yếu tố trượt giá		(I+II+...+V) x 2,5%	1.097.567.000
	TỔNG CỘNG:	Gtmdt	I+II+III+IV+V+VI	47.195.396.189
	LÀM TRÒN			47.195.396.000